

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DSST
Ngày: 15-8-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lý Công Nguyên và bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2022/TLST-DS ngày 25/5/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Địa chỉ: 130 Ph..., phường ..., Quận P, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Văn Th, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Phú Yên theo Quyết định số 399/... ngày 02/4/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ; Địa chỉ: 230 T, phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Ông T...ủy quyền lại cho ông Kiều Xuân L, nhân viên PTKD của Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Phú Yên làm đại diện theo giấy ủy quyền ngày 07/6/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1963; Địa chỉ: 70/25 N., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L trình bày: Ngày 20/5/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – chi nhánh Phú Yên có cho ông Lê Văn L vay số tiền 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*) theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đề ngày 12/5/2016; thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/5/2019), lãi suất vay 8,4%/năm, số tiền góp 01 kỳ 2.270.000 đồng, kỳ cuối góp 1.930.000 đồng; đợt vay số: 0140310601T16005, mục đích vay: Tiêu dùng; hình thức vay: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 20/5/2016 đến ngày 29/3/2021 ông Lê Văn L đã trả được tổng số tiền 36.143.052 đồng trong đó tiền gốc: 26.551.161 đồng; lãi trong hạn: 9.591.891 đồng; Từ ngày 30/3/2021 đến ngày 15/8/2022 ông L còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng cộng số tiền 72.863.082 đồng trong đó tiền gốc 38.448.839 đồng, lãi trong hạn 6.788.109 đồng, lãi quá hạn 27.626.134 đồng. Nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/8/2022 là 72.863.082 đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại biên bản xác minh đề ngày 26/5/2022 và ngày 08/8/2022, Công an phường 6, thành phố T đã cung cấp: “*ông Lê Văn L, sinh năm 1963 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 70/25 N, phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện nay ông L không có mặt tại địa phương, ông L đi đâu, làm gì địa phương không biết vì ông L không báo cáo với chính quyền địa phương*”. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc ông L bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đề ngày 12/5/2016 thì ngày 20/5/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – chi nhánh Phú Yên có cho ông Lê Văn L vay số tiền 65.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/5/2019), lãi suất vay 8,4%/năm, số tiền góp 01 kỳ 2.270.000 đồng, kỳ cuối góp 1.930.000 đồng; đợt vay số: 0140310601T16005, mục đích vay: Tiêu dùng; hình thức vay: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 20/5/2016 đến ngày 29/3/2021 ông Lê Văn L đã trả được tổng số tiền 36.143.052 đồng trong đó tiền gốc: 26.551.161 đồng; lãi trong hạn: 9.591.891 đồng; Từ ngày 30/3/2021 đến ngày 15/8/2022 ông L còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 72.863.082 đồng trong đó tiền gốc 38.448.839 đồng, lãi trong hạn 6.788.109 đồng, lãi quá hạn 27.626.134 đồng.

Nhiều lần, Ngân hàng yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ tiền cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 72.863.082 đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đề ngày 12/5/2016 mà các bên đã ký kết.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bị đơn ông Lê Văn L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng cộng số tiền tính đến ngày 15/8/2022 là 72.863.082 đồng (*bảy mươi hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm tám mươi hai đồng*) trong đó tiền gốc 38.448.839 đồng (*ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm ba*

mười chín đồng), lãi trong hạn 6.788.109 đồng (sáu triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn một trăm lẻ chín đồng), lãi quá hạn 27.626.134 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn một trăm ba mươi bốn đồng) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2022), ông Lê Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Lê Văn L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Văn L phải chịu 3.643.000 đồng (*ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 1.621.000 đồng (*một triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005308 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang